

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số: 2679 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày 20 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao chỉ tiêu 05 nội dung liên quan đến dịch vụ công trực tuyến
trong 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày
23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên
thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ
về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn
2019 – 2020, định hướng đến 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính
phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã
hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao
năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định
danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025,
tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất
lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính,
dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 4510/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch
Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số
461/TTr-VPUBND ngày 19 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu 05 nội dung liên quan đến dịch vụ công trực tuyến trong 6 tháng cuối năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu không hoàn thành chỉ tiêu được giao.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chỉ tiêu giao chung cho cấp xã tại Quyết định này thực hiện phân giao chỉ tiêu cụ thể cho Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý theo tình hình thực tế tại địa phương.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, quản lý, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; định kỳ hằng tháng tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và công khai tình hình, kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ CTHĐ 09 của Tỉnh ủy;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- TT THCB, TT PVHCC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

Phụ lục
Chỉ tiêu 05 nội dung liên quan đến dịch vụ công trực tuyến
của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong 6 tháng cuối năm 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm 2023	(i)		(ii)		(iii)		(iv)		(v)	
			Tỷ lệ “Hồ sơ trực tuyến” <i>(Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ quy định tỷ lệ 50%)</i>		Tỷ lệ “Thanh toán trực tuyến” <i>(Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh quy định tỷ lệ 35%)</i>		Tỷ lệ “Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính” <i>(Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 quy định tỷ lệ 70%)</i>		Tỷ lệ “Cấp kết quả điện tử” <i>(Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ quy định tỷ lệ 100%)</i>		Tỷ lệ “Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính” <i>(Đề án 06 quy định tỷ lệ 100%)</i>	
			Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023
I	CẤP TỈNH											
1	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	239	38,9%	60%	51,1%	51%	84,9%	85%	88,2%	100%	74,5%	100%
2	Sở Công Thương	13366	98,7%	99%	8,2%	45%	99,6%	100%	87,8%	100%	58,3%	100%
3	Sở Du lịch	105	96,2%	96%	77,1%	77%	91,4%	91%	75,2%	100%	74,4%	100%
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	471	96,0%	96%	-	-	92,4%	92%	7,2%	100%	60,6%	100%
5	Sở Giao thông vận tải	7684	11,8%	60%	13,5%	45%	3,7%	80%	0,3%	100%	71,6%	100%
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1512	0,9%	60%	13,2%	45%	8,6%	80%	9,3%	100%	74,3%	100%

STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm 2023	(i)		(ii)		(iii)		(iv)		(v)	
			Tỷ lệ “Hồ sơ trực tuyến” (Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ quy định tỷ lệ 50%)		Tỷ lệ “Thanh toán trực tuyến” (Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh quy định tỷ lệ 35%)		Tỷ lệ “Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính” (Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 quy định tỷ lệ 70%)		Tỷ lệ “Cấp kết quả điện tử” (Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ quy định tỷ lệ 100%)		Tỷ lệ “Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính” (Đề án 06 quy định tỷ lệ 100%)	
			Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023
7	Sở Khoa học và Công nghệ	59	89,8%	90%	8,5%	45%	89,8%	90%	93,2%	100%	80,7%	100%
8	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	994	8,8%	60%	14,1%	45%	10,8%	80%	11,6%	100%	38,3%	100%
9	Sở Ngoại vụ	23	100%	100%	-	-	100,0%	100%	85,7%	100%	25,0%	100%
10	Sở Nội vụ	273	92,7%	93%	100%	100%	92,3%	92%	67,0%	100%	66,5%	100%
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3948	24,4%	60%	31,2%	45%	42,8%	80%	73,8%	100%	43,6%	100%
12	Sở Tài chính	54	100%	100%	-	-	96,3%	96%	69,6%	100%	84,1%	100%
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	7839	5,1%	60%	1,6%	45%	81,7%	82%	10,2%	100%	75,8%	100%
14	Sở Thông tin và Truyền thông	44	100%	100%	100%	100%	97,7%	98%	93,0%	100%	81,1%	100%
15	Sở Tư pháp	8677	99,9%	100%	35,8%	36%	93,2%	93%	12,5%	100%	65,5%	100%
16	Sở Văn hóa và Thể thao	189	100%	100%	35,5%	36%	98,9%	99%	74,7%	100%	89,3%	100%
17	Sở Xây dựng	1141	2,4%	60%	16,3%	45%	84,8%	85%	74,6%	100%	77,0%	100%
18	Sở Y tế	1066	23,5%	60%	63,2%	63%	95,8%	96%	69,9%	100%	77,1%	100%

STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm 2023	(i)		(ii)		(iii)		(iv)		(v)	
			Tỷ lệ “Hồ sơ trực tuyến” <i>(Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ quy định tỷ lệ 50%)</i>		Tỷ lệ “Thanh toán trực tuyến” <i>(Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh quy định tỷ lệ 35%)</i>		Tỷ lệ “Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính” <i>(Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 quy định tỷ lệ 70%)</i>		Tỷ lệ “Cấp kết quả điện tử” <i>(Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ quy định tỷ lệ 100%)</i>		Tỷ lệ “Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính” <i>(Đề án 06 quy định tỷ lệ 100%)</i>	
			Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023
II	CẤP HUYỆN											
1	UBND huyện An Lão	2046	11,8%	60%	7,8%	45%	5,4%	70%	48%	100%	49,9%	100%
2	UBND huyện Hoài Ân	2649	21,4%	60%	16,1%	45%	17,1%	70%	7,6%	100%	58,2%	100%
3	UBND huyện Phù Cát	8154	8,4%	60%	58,1%	58%	4,6%	70%	24%	100%	58,6%	100%
4	UBND huyện Phù Mỹ	5859	9,1%	60%	32,6%	45%	7,9%	70%	0,3%	100%	38,4%	100%
5	UBND huyện Tây Sơn	6905	10,6%	60%	16,4%	45%	56,4%	70%	1,8%	100%	80,4%	100%
6	UBND huyện Tuy Phước	8574	9,5%	60%	26,3%	45%	3,9%	70%	4,8%	100%	67,1%	100%
7	UBND huyện Vân Canh	1270	24,4%	60%	57,1%	57%	63,2%	63%	33,3%	100%	61,9%	100%
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	1257	30,2%	60%	9,2%	45%	28,1%	70%	4,2%	100%	37,4%	100%
9	UBND thị xã An Nhơn	8110	17,1%	60%	76,1%	76%	52,8%	70%	52,3%	100%	64,8%	100%
10	UBND thị xã Hoài Nhơn	10741	19,8%	60%	66,9%	67%	23,8%	70%	68,6%	100%	63,4%	100%
11	UBND thành phố Quy Nhơn	13277	13,4%	60%	53,5%	54%	39,0%	70%	34,3%	100%	63,3%	100%
III	CẤP XÃ											
1	UBND huyện An Lão	7677	11,3%	60%	0,1%	45%	9,4%	65%	2%	100%	66,3%	100%

STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm 2023	(i)		(ii)		(iii)		(iv)		(v)	
			Tỷ lệ “Hồ sơ trực tuyến” (Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ quy định tỷ lệ 50%)		Tỷ lệ “Thanh toán trực tuyến” (Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh quy định tỷ lệ 35%)		Tỷ lệ “Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính” (Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 quy định tỷ lệ 70%)		Tỷ lệ “Cấp kết quả điện tử” (Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ quy định tỷ lệ 100%)		Tỷ lệ “Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính” (Đề án 06 quy định tỷ lệ 100%)	
			Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023	Kết quả 6 tháng đầu năm 2023	Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2023
2	UBND huyện Hoài Ân	7061	27,1%	60%	27,2%	45%	22,7%	65%	0,6%	100%	74,2%	100%
3	UBND huyện Phù Cát	21920	20,6%	60%	56,9%	57%	11,9%	65%	38%	100%	68,8%	100%
4	UBND huyện Phù Mỹ	14317	28,0%	60%	10,4%	45%	22,7%	65%	3,7%	100%	55,3%	100%
5	UBND huyện Tây Sơn	12347	18,1%	60%	11,7%	45%	16,8%	65%	3,2%	100%	66,1%	100%
6	UBND huyện Tuy Phước	14886	52,6%	53%	87,2%	87%	43,7%	65%	14,5%	100%	70,0%	100%
7	UBND huyện Vân Canh	6028	39,0%	60%	86,2%	86%	49,5%	65%	24,3%	100%	83,0%	100%
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	4450	12,1%	60%	17,2%	45%	9,0%	65%	5,4%	100%	79,9%	100%
9	UBND thị xã An Nhơn	9795	73,4%	73%	82,9%	83%	71,3%	71%	40,4%	100%	63,5%	100%
10	UBND thị xã Hoài Nhơn	14693	63,1%	63%	66,1%	66%	54,4%	65%	55,5%	100%	81,9%	100%
11	UBND thành phố Quy Nhơn	23210	34,5%	60%	91,6%	92%	50,2%	65%	65,9%	100%	72,0%	100%